

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ VINAFOOD 1 VÀ CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ VINAFOOD 1 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ VINAFOOD 1

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941.2626 Fax: (84.4) 3934.7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ VINAFOOD 1

Địa chỉ: Số 94 Lương Yên – Q. Hai Bà Trưng – Hà Nội.

Điện thoại: (84-39) 3685 868 Fax: (84-39) 3886 680

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



Trụ sở chính : Số 8 Lê Thái Tổ - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3928.8080 Fax: (84-4) 3928.9888

Chi nhánh Tp.HCM : Số 233 Đồng Khởi – Q.1 – Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914.1993 Fax: (84-8) 3914.1991

Năm 2016

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN. | 3 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CBTT | 4 |
| III. TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ | 5 |
| IV. DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT | 6 |
| V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 6 |
| 1. Rủi ro về kinh tế | 6 |
| 2. Rủi ro pháp luật | 7 |
| 3. Rủi ro đặc thù..... | 7 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán | 7 |
| 5. Rủi ro khác..... | 7 |
| VI. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN: | 8 |
| 1. Tổ chức chào bán và thông tin về cổ phần chào bán. | 8 |
| 2. Công bố thông tin và tổ chức đăng ký mua cổ phần | 8 |
| VII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN | 9 |
| 1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty..... | 9 |
| 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1..... | 10 |
| 3. Ngành nghề kinh doanh | 10 |
| 4. Cơ cấu tổ chức | 11 |
| 5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu | 14 |
| 6. Lực lượng lao động..... | 14 |
| 7. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp..... | 16 |
| 8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp..... | 18 |
| 9. Danh sách những công ty mẹ và công ty con | 20 |
| 10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 20 |
| 11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước khi cổ phần hóa..... | 26 |
| VIII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA | 32 |
| 1. Thông tin về doanh nghiệp sau chuyển đổi | 32 |
| 2. Cơ cấu vốn điều lệ | 32 |
| 3. Tổ chức bộ máy | 33 |
| 4. Mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần | 35 |
| 5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh | 35 |
| 6. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần | 41 |
| 7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa..... | 42 |
| 8. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết chứng khoán | 43 |
| 9. Lưu ý các nhà đầu tư..... | 43 |

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.

- Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-TTg ngày 17/08/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc;
- Căn cứ Công văn số 242/BNN-QLDN ngày 12/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bọt mỳ Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc;
- Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 29/02/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bọt mỳ Vinafood 1;
- Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 24/05/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc về việc điều chỉnh bổ sung nhân sự Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bọt mỳ Vinafood 1;

- Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 22/06/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1;
- Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 15/09/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1;
- Căn cứ Hợp đồng số 30/2016/BVSC-VNF1FLOUR/PTV-CPH ngày 24/06/2016 giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 về dịch vụ tư vấn chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.

➤ BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỖ VINAFOOD 1

| | | |
|-------------------------|--|----------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Đức Sơn | Thành viên HĐTV Tổng công ty Lương thực miền Bắc | Trưởng ban |
| 2. Ông Phạm Thanh Bằng | Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Lương thực miền Bắc | Phó trưởng ban thường trực |
| 3. Bà Cao Thị Hạnh | Trưởng ban Kế hoạch và Quản lý đầu tư vốn Tổng công ty Lương thực miền Bắc | Phó trưởng ban |
| 4. Bà Hoàng Thanh Loan | Kế toán trưởng Tổng công ty Lương thực miền Bắc | Thành viên |
| 5. Bà Tô Thị Thảo | Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ Tổng công ty Lương thực miền Bắc | Thành viên |
| 6. Ông Nguyễn Đạt Phục | Phó Trưởng ban Tổ chức lao động Tổng công ty Lương thực miền Bắc | Thành viên |
| 7. Ông Nguyễn Thế Thuận | Phó Trưởng ban Kế hoạch và Quản lý vốn Tổng công ty Lương thực miền Bắc | Thành viên |
| 8. Ông Phùng Thanh Long | Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1 | Thành viên |

➤ ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỖ VINAFOOD 1

| | |
|------------------------|-----------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Xuân Lợi | Thành viên HĐTV, Giám đốc Công ty |
| 2. Ông Lê Đình Hiệp | Kế toán trưởng Công ty |

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1.

➤ **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc xây dựng và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ đúng trình tự bắt buộc theo quy định của pháp luật nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

III. TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Cổ phần bán đấu giá

| | |
|---|-----------------------------|
| Vốn điều lệ Công ty cổ phần | 242.000.000.000 đồng |
| Số lượng cổ phần bán đấu giá | 8.229.800 cổ phần |
| Loại cổ phần | Cổ phần phổ thông |
| Mệnh giá | 10.000 đồng/cổ phần |
| Giá khởi điểm | 10.000 đồng/cổ phần |
| Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu | 100 cổ phần |
| Số lượng cổ phần được mua tối đa với các nhà đầu tư trong nước | 8.229.800 cổ phần |
| Số lượng cổ phần được mua tối đa với các nhà đầu tư nước ngoài | 8.229.800 cổ phần |

2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ DỰ KIẾN

| TT | Danh mục | Tỷ lệ | Số cổ phần (CP) | Giá trị cổ phần (đồng) |
|----|---|--------|-----------------|------------------------|
| 1 | Cổ phần Nhà nước nắm giữ do Tổng công ty Lương thực miền Bắc đại diện | 65,00% | 15.730.000 | 157.300.000.000 |

| TT | Danh mục | Tỷ lệ | Số cổ phần (CP) | Giá trị cổ phần (đồng) |
|-----------|---|--------------|------------------------|-------------------------------|
| | sở hữu | | | |
| 2 | Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động <i>Trong đó:</i> | 0,99% | 240.200 | 2.402.000.000 |
| | - <i>Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm làm việc trong khu vực nhà nước;</i> | 0,61% | 148.100 | 1.481.000.000 |
| | - <i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài.</i> | 0,38% | 92.100 | 921.000.000 |
| 3 | Cổ phần bán đấu giá công khai | 34,01% | 8.229.800 | 82.298.000.000 |
| | Cộng | 100% | 24.200.000 | 242.000.000.000 |

IV. DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Công ty Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- CĐKT Bảng cân đối kế toán
- CPH Cổ phần hóa
- CTCP Công ty cổ phần
- DNNN Doanh nghiệp nhà nước
- ĐKKD Đăng ký kinh doanh
- MTV Một thành viên

V. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bình quân giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt khoảng 5,91%, mặc dù thấp hơn so với giai đoạn 2006-2010, nhưng đặt trong bối cảnh nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và kinh tế thế giới thường xuyên xuất hiện nhiều nhân tố bất lợi thì đây vẫn là mức tăng tương đối tốt. Hơn thế nữa, xu hướng phục hồi kinh tế ngày càng rõ nét kể từ năm 2013, tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Tăng trưởng năm 2015 đạt 6,68%, vượt mục tiêu đề ra là 6,2% và là mức cao nhất trong cả giai đoạn 2011-2015. Bên cạnh đó, GDP bình quân đầu người cũng tăng hơn 40%, từ 1.532 USD/người năm 2011 lên 2.171 USD/người năm 2015, trong bối cảnh lạm phát được duy trì ở mức thấp đã góp phần nâng cao mức sống thực tế của người dân.

Lạm phát được kiểm soát nhờ thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp về tiền tệ tín dụng và tài khóa cũng như cơ chế phối hợp linh hoạt giữa chính sách tài khóa và chính

sách tiền tệ. Chỉ số CPI giảm từ 18,13% năm 2011 xuống 1,84% năm 2014 và 0,6% năm 2015 - thấp nhất trong vòng 14 năm qua.

Thực hiện tái cơ cấu các NHTM, các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính trong lĩnh vực tín dụng - ngân hàng tiếp tục được rà soát và hoàn thiện, NHNN đã phê duyệt phương án cơ cấu lại đối với các NHTM cổ phần yếu kém, qua đó năng lực tài chính và khả năng chi trả của các tổ chức tín dụng được cải thiện. Bên cạnh đó, nhiều giải pháp cũng đã được triển khai để phát hiện, xử lý và ngăn chặn tình trạng sở hữu chéo, đầu tư chéo đang diễn ra hiện nay.

Tuy nhiên, theo các dự báo, do các yếu tố không thuận lợi về thời tiết như hạn hán nghiêm trọng, đất canh tác bị xâm thực mặn gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp, tiêu dùng cá nhân và tốc độ đầu tư đều chậm lại nên tốc độ tăng trưởng GDP có thể chỉ đạt 6,2%, thấp hơn so với mức 6,68% trong năm 2015. Các hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với nền kinh tế chung, khi kinh tế tăng trưởng tốt, các doanh nghiệp và hộ gia đình có nhu cầu sản xuất và tiêu thụ bột mì cao hơn, tác động tích cực tới doanh nghiệp.

2. Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp Nhà nước đang chuyển đổi sang hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, Luật Doanh nghiệp, các Luật thuế....

Sau khi chuyển đổi, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do vậy sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Các thay đổi, bổ sung chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, đấu thầu, thuế...đều tác động đến doanh nghiệp. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện, tính ổn định chưa cao dẫn tới sự thay đổi luôn có thể xảy ra, điều đó ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, các thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

Công ty là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bột mì với nguyên liệu là lúa mì nhập khẩu. Rủi ro đặc thù của Công ty là các biến động tỷ giá khi nhập khẩu lúa mì và thời gian chờ ghép các đơn hàng vận chuyển lúa mì theo tàu cập cảng.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Mặc dù thị trường chứng khoán đã có các tín hiệu tích cực, tuy nhiên trong đợt chào bán lần đầu, nếu có cổ phần không bán hết, Công ty sẽ xin điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, chờ thời điểm thích hợp báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục phát hành.

5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình

hoạt động chung của Công ty.

VI. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Tổ chức chào bán và thông tin về cổ phần chào bán.

| | | |
|-----------------------------|---|---|
| Tên tổ chức chào bán | : | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BỘT MỠ VINAFOOD 1 |
| Trụ sở chính | : | Số 94 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. |
| Điện thoại | : | (84 – 4) 6278 2448 |
| Fax | : | (84 – 4) 6278 2457 |
| Vốn điều lệ sau chuyển đổi | : | 242.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai tỷ đồng). |
| Mệnh giá cổ phần | : | 10.000 đồng/cổ phần. |
| Tổng số lượng cổ phần | : | 24.200.000 cổ phần. |
| Số cổ phần bán đấu giá | : | 8.229.800 cổ phần tương đương 34,01% vốn điều lệ. |
| Loại cổ phần chào bán | : | Cổ phần phổ thông. |
| Hình thức chào bán | : | Chào bán cổ phần lần đầu thông qua hình thức đấu giá cạnh tranh. |
| Giới hạn khối lượng đăng ký | : | Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần, tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là 8.229.800 cổ phần. |
| Giá khởi điểm bán đấu giá | : | 10.000 đồng/cổ phần. |
| Giới hạn mức giá đặt mua | : | Mỗi nhà đầu tư được phép đặt mua 01 mức giá. |
| Bước giá | : | 100 đồng |

2. Công bố thông tin và tổ chức đăng ký mua cổ phần

2.1. Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin đấu giá

Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế đấu giá. Bản công bố thông tin còn được chuyển tải trên các trang Website: <http://www.hnx.vn>; <http://www.bvsc.com.vn>, www.vnflflour.com.vn và địa chỉ website của các đại lý đấu giá.

2.2. Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá

Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế đấu giá.

2.3. Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và nhận phiếu đấu giá

Được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.4. Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá

Được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH

MTV Bột mì Vinafood 1” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.5. Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần

Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế đấu giá.

2.6. Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá

Được quy định chi tiết tại “**Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1**” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2.7. Tổ chức buổi đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc ;

- Thời gian tổ chức buổi đấu giá

Thực hiện theo “**Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1**” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

- Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84- 4) 3936.0750 Fax: (84-4) 3934.7818.

- Phương thức thanh toán, thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:** Được quy định chi tiết tại “**Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1**” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

VII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.

1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 có tiền thân là cơ sở sản xuất bột mì Hưng Quang thuộc Công ty Lương thực Nghệ An. Năm 2002, Bộ NN&PTNT có Quyết định số 4358/QĐ/BNN-TCCB ngày 16/10/2002 về việc thành lập Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh trên cơ sở hợp nhất Công ty Lương thực Thanh Hóa, Công ty Lương thực Nghệ An và Công ty Lương thực Hà Tĩnh. Vì vậy cơ sở sản xuất bột mì Hưng Quang được hợp nhất về Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh.

Năm 2003, để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có quyết định số 67/QĐ-HĐQT-TCLĐ ngày 08/04/2003 về việc thành lập Nhà máy Bột mì Hưng Quang trực thuộc Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh.

Ngày 12/10/2004, Tổng công ty Lương thực miền Bắc có Quyết định số 319/QĐ-HĐQT-TCLĐ về việc tách và điều đơn vị kinh tế phụ thuộc Công ty thành viên, Nhà máy Bột mì Hưng Quang tách khỏi Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh và chính thức trở thành chi nhánh của Tổng công ty.

Năm 2008, sau khi hoàn thành thương vụ mua bán Nhà máy Bột mì Bảo Phước tại

Khu công nghiệp Đình Vũ, Thành phố Hải Phòng, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có quyết định số 157/QĐ-TCTLTMB-HĐQT ngày 03/09/2008 về việc thành lập Công ty Bột mì Vinafood 1 – Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc trên cơ sở tổ chức lại Chi nhánh – Công ty Sản xuất kinh doanh Bột mì Hưng Quang và Nhà máy Bột mì Bảo Phước.

Năm 2015, Bộ NN&PTNT đã có Quyết định số 4204/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2015 chuyển Công ty Bột mì Vinafood 1 Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bột mì Vinafood 1.

Năm 2015, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood1 chuyển trụ sở từ Nghệ An về tại số 94 Lương Yên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Công ty hiện có 02 Nhà máy sản xuất bột mì là Nhà máy Bột mì Hưng Quang (tại Thành phố Vinh, Nghệ An) và Nhà máy Bột mì Bảo Phước (tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng).

2. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1

- Tên đầy đủ tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỖ VINAFOOD 1**
- Tên tiếng Anh: VINAFOOD 1 FLOUR CO., LTD
- Tên viết tắt: CÔNG TY BỘT MỖ VINAFOOD 1
- Địa chỉ trụ sở: Số 94 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (84 – 4) 6278 2448
- Fax: (84 – 4) 6278 2457
- Mã số thuế: 0107151097

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 0107151079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2015, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Ngành, nghề kinh doanh chính

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|---|-----------------|
| 1 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mì và các sản phẩm từ bột mì; Sản xuất, kinh doanh các loại nguyên liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi giá súc | 1079 (Chính) |

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 01/12/2015 của Công ty

Ngành, nghề kinh doanh khác

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|---|-----------------|
| 1 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán, đại lý phân bón | 4669 |

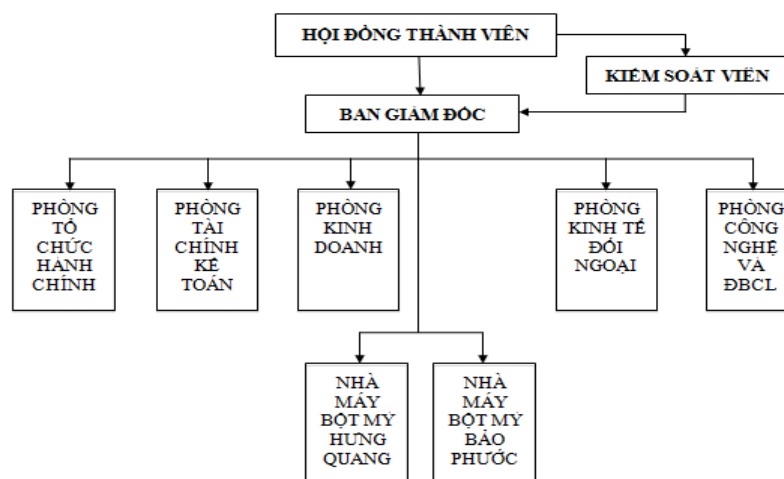
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 2 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ Mua bán lương thực thực phẩm | 4632 |
| 3 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán hàng nông sản; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc | 4620 |
| 4 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng | 8299 |

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 01/12/2015 của Công ty

4. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 hiện được tổ chức theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Đề án chuyển đổi Chi nhánh – Công ty Bột mỳ Vinafood 1 thành Công ty TNHH Một thành viên, cụ thể như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỖ VINAFOOD 1



mỳ Vinafood 1

Cơ cấu

- ❖ **Hội đồng thành viên:** gồm 3 thành viên, bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên và 2 thành viên trong đó có 01 thành viên kiêm Giám đốc.

Hội đồng thành viên là cơ quan bao gồm những người đại diện theo uỷ quyền của chủ sở hữu do Tổng công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế, kỷ luật, có quyền và nhiệm vụ sau:

- + Nhân danh Tổng công ty tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty;

- + Nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty;
- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng công ty về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ **Kiểm soát viên:** gồm 02 thành viên.

Kiểm soát viên có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Giám đốc trong việc thực hiện quyền của Tổng công ty và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng công ty về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Giám đốc:** gồm 5 thành viên, bao gồm Giám đốc và 4 Phó Giám đốc (Phụ trách Kinh doanh, Đối ngoại, Tài chính và Sản xuất).

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

❖ **Các Phòng ban chức năng bao gồm:**

Phòng Tổ chức hành chính:

- + Quản lý nhân lực lao động, quản lý hồ sơ CBCNV hiện có trong công ty, tổng hợp báo cáo nguồn nhân lực của các đơn vị, phòng ban, theo tháng, quý, năm cho giám đốc công ty biết.
- + Đề xuất tiếp nhận nhân lực, điều chuyển trong nội bộ công ty cho phù hợp theo yêu cầu sản xuất.
- + Quản lý, theo dõi, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động.
- + Tham mưu cho Giám đốc công ty trong việc: Đề bạt, bổ nhiệm, tiếp nhận nhân lực và tổ chức bộ máy của các đơn vị.
- + Lập kế hoạch tổ chức thực hiện theo dõi cơ sở vật chất cho các phòng ban.
- + Công tác văn thư lưu trữ, tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin theo thẩm quyền.
- + Quản lý xe máy, quản lý nhà cửa và kiến trúc khu vực văn phòng công ty, quản lý vật tư.
- + Quản lý hành chính, xây dựng quy chế quản lý các văn bản pháp quy: công văn đi, và đến, nghị định, nghị quyết, thông tư... của chính phủ, Bộ chủ quản, Tổng công ty.
- + Tổ chức tiếp đón và hướng dẫn khách đến công ty làm việc. Quản lý trang thiết bị văn phòng. Quản lý môi trường cảnh quan Công ty

Phòng Tài chính Kế toán:

- + Tổ chức thực hiện công tác tài chính; Quản lý tài chính đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và kế hoạch phát triển của Công ty;
- + Lập báo cáo tài chính, kế toán và xác định chi phí chất lượng;

+ Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty về tài chính doanh nghiệp, theo dõi sử dụng tài chính, vật tư, tài sản ở các xí nghiệp.

Phòng Kinh doanh:

+ Lập Kế hoạch giao hàng dựa trên nhu cầu thị trường và các hợp đồng, đơn hàng đã ký kết với khách hàng.

+ Tìm hiểu nhu cầu thị trường, khách hàng để đề xuất các đặc tính phù hợp của sản phẩm; Xem xét hợp đồng bán hàng, và các hợp đồng khác theo yêu cầu của Giám đốc.

+ Quảng cáo và xúc tiến bán hàng; Tổ chức thực hiện giao hàng, thu hồi công nợ.

+ Liên hệ với khách hàng thực hiện bảo hành sản phẩm sau bán hàng; Chủ trì việc xử lý và giải quyết khiếu nại của khách hàng;

+ Tham mưu xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty.

Phòng Kinh tế đối ngoại:

+ Tổ chức tìm kiếm, đàm phán và thỏa thuận với các nguồn cung ứng nguyên liệu sản xuất từ nước ngoài cho Công ty.

+ Xúc tiến bán hàng, xuất khẩu sản phẩm của Công ty ra thế giới và xuất khẩu tại chỗ bên trong lãnh thổ Việt Nam;

+ Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện nhập khẩu, xuất khẩu phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Tham mưu xây dựng chiến lược marketing, nhập khẩu, xuất khẩu của Công ty.

Phòng Công nghệ và Đảm bảo chất lượng:

+ Tham mưu cho giám đốc công ty về khoa học kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty.

+ Lập phương án thiết kế, dự toán các chương trình sản xuất theo kế hoạch của công ty.

+ Lập phương án sửa chữa các sự cố hư hỏng lớn của hệ thống sản xuất một cách kịp thời.

+ Quản lý, giám sát nghiệm thu kỹ thuật (chất lượng và khối lượng) nguyên vật liệu, sản phẩm hàng hóa...

+ Lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa lớn các thiết bị máy móc theo định kỳ.

❖ Các Nhà máy trực thuộc Công ty bao gồm:

Nhà máy bột mỳ Hưng Quang: Địa chỉ: Khối Tân Hòa, Phường Vinh Tân, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Nhà máy Bột mỳ Hưng Quang có dây chuyền, máy móc và công nghệ sản xuất hiện đại của hãng Buhler, Thụy Sĩ, có công suất đạt 140 tấn/ngày. Hàng năm, nhà máy sản xuất trên 30.000 tấn bột mỳ các loại, chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn Châu Âu. Dưới

sự quản lý, điều hành bởi đội ngũ kỹ sư, quản lý kinh tế chuyên ngành, trong những năm qua, các sản phẩm của nhà máy luôn được sự tin dùng của khách hàng. Các sản phẩm được sản xuất tại nhà máy gồm có bột mỳ mang thương hiệu: Bò Câu, Sông Lam, Bến Thủy.

Nhà máy bột mỳ Bảo Phước: Địa chỉ: Khu CN Đình Vũ, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.

Nhà máy Bột mỳ Bảo Phước được trang bị dây chuyền và công nghệ sản xuất tiên tiến của hãng Buhler, Thụy Sĩ và HBA, Trung Quốc. Công suất nhà máy ban đầu đạt 140 tấn/ngày, sau khi được đầu tư thêm dây chuyền công suất 160 tấn/ngày (năm 2013), Nhà máy có tổng công suất 300 tấn/ngày. Nhà máy được đặt tại khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, TP Hải Phòng, thuận tiện cho việc tiếp nhận hàng hoá, nguyên liệu cũng như vận chuyển xuất bán thành phẩm qua các phương tiện đường thuỷ và đường bộ.

5. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Sản xuất và kinh doanh bột mỳ là một hoạt động kinh doanh chủ yếu hiện nay của Công ty. Hiện nay, Công ty đang điều hành 2 nhà máy sản xuất bột mỳ lớn với tổng công suất đạt gần 440 tấn/ngày, phục vụ cung cấp bột mỳ cho nhiều nhóm khách hàng khác nhau như các doanh nghiệp sản xuất và bán lẻ cho người tiêu dùng. Một số hình ảnh về các sản phẩm của Công ty như sau:



Nhãn hàng Bột mỳ: Hoa Phượng Đỏ



Nhãn hàng Bột mỳ: Phượng Hoàng



Nhãn hàng Bột mỳ: Bò Câu



Nhãn hàng Bột mỳ: Hồng Yến

6. Lực lượng lao động

Tính đến thời điểm 30/06/2016, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 có tổng số 159 lao động trong đó bao gồm 100 lao động nam và 59 lao động nữ

Chất lượng nguồn nhân lực qua các năm như sau

Bảng chất lượng nguồn nhân lực qua các năm

| TT | Trình độ | 2013 | 2014 | 2015 | 30/06/2016 |
|-----------|--------------------|-------------|-------------|-------------|-------------------|
| 1 | Trên Đại học | 4 | 4 | 7 | 7 |
| 2 | Đại học, cao đẳng | 68 | 65 | 58 | 57 |
| 3 | Trung cấp | 28 | 35 | 30 | 28 |
| 4 | Công nhân kỹ thuật | 10 | 3 | 14 | 7 |
| 5 | Khác | 73 | 68 | 61 | 60 |
| | Tổng cộng | 183 | 175 | 170 | 159 |

Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1

Sau khi chuyển sang CTCP, ngoại trừ bộ phận quản lý doanh nghiệp (ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS), doanh nghiệp sẽ kế thừa bộ máy tổ chức hiện nay. Do đó, trên cơ sở kế thừa lực lượng lao động tương ứng theo mô hình tổ chức, khi chuyển sang CTCP, Công ty đã xây dựng phương án sắp xếp việc làm cho người lao động như sau:

Bảng phương án sắp xếp việc làm cho người lao động khi cổ phần hóa

| TT | Nội dung | Số lượng lao động |
|-----------|---|--------------------------|
| 1 | Lao động chuyển sang làm việc tại CTCP, trong đó: | 154 |
| | <i>Trên Đại học</i> | 7 |
| | <i>Đại học, cao đẳng</i> | 55 |
| | <i>Trung cấp</i> | 27 |
| | <i>Công nhân kỹ thuật</i> | 7 |
| | <i>Khác</i> | 58 |
| 2 | Lao động dự kiến giải quyết chế độ hưu trí | 01 |
| 3 | Lao động dôi dư | 04 |
| | Cộng | 159 |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty

Riêng đối với những lao động là Người đại diện vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp, việc sắp xếp và bố trí việc làm sẽ được thực hiện theo các quyết định có liên quan của Tổng công ty, ĐHĐCĐ và HĐQT của công ty cổ phần.

7. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

7.1 Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Theo Quyết định số 181/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 22/06/2016 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015 để cổ phần hóa như sau:

- **Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp: 395.208.539.550 đồng**
- **Giá trị thực tế phần vốn Tổng công ty Lương thực Miền Bắc đầu tư tại Công ty: 242.192.395.177 đồng**

Bảng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa cụ thể như sau

Bảng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

| TT | Nội dung | Giá trị sổ kế toán (đồng) | Giá trị đánh giá lại (đồng) | Chênh lệch (đồng) |
|----------|--|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| A | Tài sản đang dùng | 373.161.737.618 | 395.208.539.550 | 22.046.801.932 |
| 1 | Tài sản cố định và đầu tư dài hạn | 164.576.391.335 | 185.887.808.416 | 21.311.417.081 |
| 1.1 | Tài sản cố định | 164.576.391.335 | 185.887.808.416 | 21.311.417.081 |
| a | Tài sản cố định hữu hình | 164.576.391.335 | 185.887.808.416 | 21.311.417.081 |
| b | Tài sản cố định vô hình | - | - | - |
| 1.2 | Phải thu dài hạn | 12.500.000 | 12.500.000 | - |
| 1.3 | Chi phí trả trước dài hạn | 496.320.654 | 1.076.221.830 | 579.901.176 |
| 2 | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 208.076.525.629 | 208.075.878.032 | (647.597) |
| 2.1 | Tiền | 15.283.729.805 | 15.283.079.408 | (650.397) |
| | + Tiền mặt tồn quỹ | 671.624.830 | 671.626.000 | 1.170 |
| | + Tiền gửi Ngân hàng | 2.552.104.975 | 2.551.453.408 | (651.567) |
| | + Tiền đang chuyển | 12.060.000.000 | 12.060.000.000 | - |
| 2.2 | Các khoản tương đương tiền | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 | - |
| 2.3 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 230.000.000 | 230.000.000 | - |
| 2.4 | Các khoản phải thu | 69.674.297.927 | 69.674.297.927 | - |
| 2.5 | Hàng tồn kho | 113.619.091.873 | 113.619.094.673 | 2.800 |
| 2.6 | Tài sản ngắn hạn khác | 269.406.024 | 269.406.024 | - |
| 3 | Giá trị lợi thế kinh doanh DN | - | 156.131.273 | 156.131.273 |
| 4 | Giá trị quyền sử dụng đất | - | - | - |
| B | Tài sản không cần dùng (Giá trị còn lại theo sổ sách) | - | - | - |
| 1 | Tài sản cố định và đầu tư dài hạn | - | - | - |
| 1.1 | TSCĐ | - | - | - |
| 1.2 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - |

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| | | | | |
|--|--|------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1.3 | Chi phí XD/CB dở dang | - | - | - |
| 1.4 | Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn | - | - | - |
| 2 | Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | - | - | - |
| 2.1 | Công nợ không đòi được | - | - | - |
| 2.2 | Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất | - | - | - |
| C | Tài sản chờ thanh lý | - | - | - |
| 1 | TSCĐ và đầu tư dài hạn | - | - | - |
| 2 | TSLĐ và đầu tư ngắn hạn | - | - | - |
| D | Tài sản hình thành từ quỹ Phúc lợi, khen thưởng | - | - | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) | | 373.161.737.618 | 395.208.539.550 | 22.406.801.932 |
| Trong đó: | | | | |
| Tổng giá trị thực tế của DN (Mục A) | | 373.161.737.618 | 395.208.539.550 | 22.046.801.932 |
| E1 | Nợ thực tế phải trả | 153.016.125.411 | 153.016.144.373 | 18.962 |
| E2 | Nguồn kinh phí sự nghiệp | - | - | - |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(E1+E2)) | | 220.145.612.207 | 242.192.395.177 | 22.046.782.970 |

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV Bọt mỳ Vinafood 1.

7.2 Lưu ý về báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp

Theo lưu ý tại Biên bản xác định Giá trị doanh nghiệp do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền Nam lập: Công ty TNHH MTV Bọt mỳ Vinafood 1 chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực hợp lý của các số liệu và thông tin trên sổ sách kế toán, Báo cáo tài chính và các biên bản kiểm kê tại thời điểm 31/12/2015.

Đến thời điểm phát hành biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Bọt mỳ Vinafood 1 và đơn vị thẩm định giá đã tiến hành đối chiếu được phần lớn các khoản công nợ, khoảng 99,7% giá trị công nợ phải thu và 96,2% giá trị công nợ phải trả. Cụ thể, giá trị công nợ phải thu có biên bản đối chiếu là 69.475.742.477 đồng trên tổng giá trị công nợ phải thu là 69.674.297.927 đồng và giá trị công nợ phải trả có biên bản đối chiếu là 147.209.535.343 đồng trên tổng giá trị công nợ phải trả là 153.016.125.411 đồng. Nguyên nhân do một số biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đã gửi đi đối chiếu nhưng đến thời điểm phát hành Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, khách hàng chưa gửi lại.

Đối với các khoản công nợ không có đối chiếu, đơn vị thẩm định giá ghi nhận theo giá trị sổ sách kế toán. Trong thời gian sau khi Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp được lập đến khi Vinafood 1 chuyển sang Công ty cổ phần, đề nghị Vinafood 1 tiếp tục đôn đốc, hoàn thiện việc đối chiếu công nợ. Sau khi thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, nếu có chênh lệch sẽ được làm rõ và điều chỉnh cho phù

hợp.

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng, đơn vị thẩm định giá đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Vietinbank công bố tại thời điểm 31/12/2015.

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1 Tình hình tài sản cố định của Công ty

Các tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 được đánh giá lại thể hiện qua các số liệu như sau:

Bảng tình hình tài sản cố định của Công ty

| STT | Tên tài sản | Nguyên giá đánh giá lại (VND) | Giá trị còn lại đánh giá lại(VND) |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------|--|
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 284.291.758.771 | 185.887.808.416 |
| a | Nhà cửa vật kiến trúc | 148.132.630.023 | 113.011.131.427 |
| b | Máy móc thiết bị | 125.864.145.851 | 68.674.042.877 |
| c | Phương tiện vận tải | 10.258.476.897 | 4.195.332.912 |
| d | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 36.506.000 | 7.301.200 |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 101.150.000 | - |

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

8.2 Các thửa đất của Công ty

Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 hiện đang sử dụng 03 khu đất, tại Hà Nội, Hải Phòng và Nghệ An. Hiện trạng sử dụng về đất đai của Công ty khi cổ phần hóa như sau:

❖ Cơ sở nhà, đất tại số 94 Lương Yên – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Hiện trạng pháp lý: Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD985634 ngày 19/01/2012. Khi thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất là thuê đất, trả tiền hàng năm và báo cáo UBND thành phố Hà Nội phê duyệt. Ngày 13/06/2016, UBND Thành phố Hà Nội đã có văn bản số 3490/UBND-KT phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bột mỳ Vinafood 1 trên địa bàn thành phố Hà Nội sau khi cổ phần hóa.

Thông tin về cơ sở nhà, đất tại số 94 Lương Yên – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội như sau:

| Diện tích (m²) | Mục đích sử dụng đất | Tình trạng |
|----------------------------------|--|-----------------------|
| 408,3 | Công ty được sử dụng 328,7 m ² làm trụ sở | Hiện đang sử dụng làm |

| Diện tích (m²) | Mục đích sử dụng đất | Tình trạng |
|----------------------------------|---|---|
| | <p>làm việc và cơ sở kinh doanh theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm và phải phù hợp với quy hoạch của Thành phố. Thời hạn sử dụng đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993.</p> <p>Công ty có trách nhiệm quản lý 79,6 m² đất nằm trong chỉ giới đường đỏ, không xây dựng công trình kiên cố, khi Thành phố thu hồi phải bàn giao theo quy định (ký hợp đồng thuê đất hàng năm).</p> | Trụ sở văn phòng Công ty, có 01 toàn nhà Văn phòng 08 tầng. |

Khi cổ phần hóa, Công ty lựa chọn hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Điều 31 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

❖ **Các cơ sở nhà, đất tại khối Tân Hòa, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**

Hiện trạng pháp lý: Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 761023 ngày 21/07/2006. Công ty đang ký hợp đồng thuê đất dài hạn và trả tiền thuê đất hàng năm với UBND tỉnh Nghệ An. Khi thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất là thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm và báo cáo UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt. Hiện nay chưa có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Nghệ An.

| Diện tích (m²) | Mục đích sử dụng đất | Tình trạng |
|----------------------------------|--|---|
| 20.842,4 | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh. Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm. Thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 07/6/2056 | Hiện đang sử dụng làm nhà máy và nhà sản xuất chính, kho chứa nguyên liệu và thành phẩm |

Khi cổ phần hóa, Công ty lựa chọn hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Điều 31 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

❖ **Các cơ sở nhà, đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.**

Hiện trạng pháp lý: Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 1210450 ngày 21/11/2008. Công ty đang ký hợp đồng thuê đất dài hạn và trả tiền thuê đất hàng năm với UBND thành phố Hải Phòng. Khi thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã xây dựng phương án sử dụng đất là thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm và báo cáo UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt. Hiện nay chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hải Phòng.


| Diện tích (m²) | Mục đích sử dụng đất | Tình trạng |
|----------------------------------|---|--|
| 19.805,0 | Đất cơ sở sản xuất kinh doanh. Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm. Thời | Hiện đang đặt 02 dây chuyền sản xuất Bột mỳ, |

| Diện tích (m²) | Mục đích sử dụng đất | Tình trạng |
|----------------------------------|---|---|
| | hạn sử dụng đất kể từ ngày 17/11/2008 đến ngày 02/08/2042 | nhà văn phòng, kho chứa nguyên liệu và thành phẩm |

Khi cổ phần hóa, Công ty lựa chọn hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Điều 31 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

9. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

9.1 Công ty mẹ: Tổng công ty Lương thực miền Bắc

- Tên giao dịch trong nước : Tổng công ty Lương thực Miền Bắc
- Tên giao dịch quốc tế : VINAFOOD1
- Tên viết tắt : VINAFOOD1
- Vốn điều lệ : 4.359.390.000.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn nghìn ba trăm năm chín tỷ, ba trăm chín mươi triệu đồng)
- Trụ sở : Số 6 Ngô Quyền – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại : (84-4) 3926 4466
- Fax : (84-4) 3926 4477
- Website : www.vinafood1.com.vn
- Biểu tượng công ty : 

– Ngành nghề kinh doanh chính:

+ **Ngành lương thực:** Thu mua, bảo quản, sản xuất chế biến, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực thực phẩm, nông sản, thực hiện bình ổn giá, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Xuất, nhập khẩu lương thực, nông sản (gạo, ngô, lúa mì, bột mì ...), vật tư nông nghiệp, phân bón. Sản xuất, kinh doanh và xuất, nhập khẩu các loại nguyên liệu, thành phẩm thực ăn chăn nuôi gia súc. Cung ứng các loại vật tư thiết bị chuyên dụng cho sản xuất, kinh doanh của ngành lương thực, thực phẩm;

+ **Ngành muối:** Sản xuất, chế biến, thu mua, bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu muối, hóa chất làm muối, góp phần bình ổn giá muối; tư vấn đầu tư, xây dựng công trình chuyên ngành muối.

– **Sản phẩm/dịch vụ chính:** Gạo xuất khẩu, Ngô, Sắn lát, Bột mì, Muối...

9.2 Công ty con: Không có

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

10.1 Giá trị sản lượng sản phẩm/dịch vụ

Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm dịch vụ qua các năm trước khi cổ phần hóa như sau:

Bảng cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm/dịch vụ

| Sản phẩm | 2013 | | 2014 | | 2015 | | 6T/2016 | |
|------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|
| | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| Bột mì | 540.521 | 71,79 | 463.268 | 80,62 | 431.471 | 75,08 | 184.418 | 73,16 |
| Cám mì | 111.096 | 14,76 | 101.970 | 17,74 | 94.021 | 16,36 | 47.300 | 18,76 |
| Lúa mì | 293 | 0,04 | 42.051 | 7,32 | 26.877 | 4,68 | 2.588 | 1,03 |
| Gạo | 20.105 | 2,67 | 36.609 | 6,37 | 19.615 | 3,41 | 16.072 | 6,38 |
| Cám viên | 35.886 | 4,77 | 37.169 | 6,47 | - | - | - | - |
| Đậu tương | 28.935 | 3,84 | | - | - | - | - | - |
| Khô dừa | 12.750 | 1,69 | | - | - | - | - | - |
| Ngô hạt | - | - | 58.509 | 10,18 | - | - | - | - |
| Mặt hàng khác | 1.879 | 0,25 | 20 | 0,00 | 346 | 0,06 | - | - |
| Dịch vụ | 1.427 | 0,19 | 1.815 | 0,32 | 2.333 | 0,41 | 1.707 | 0,67 |
| Tổng cộng | 752.892 | 100 | 741.411 | 100 | 574.662 | 100 | 252.085 | 100 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1

Hoạt động chủ yếu của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là sản xuất và kinh doanh bột mì. Trong 03 năm qua, bột mì luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty (khoảng 71% - 75%), tiếp theo đó là cám mì (khoảng 14% - 18%), phần còn lại là từ kinh doanh các sản phẩm khác như gạo, cám viên... Tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận năm 2014 – 2015 có xu hướng sụt giảm do Công ty phải giảm giá bán sản phẩm theo mức giảm giá nguyên liệu lúa mì đầu vào, cước phí vận tải tăng cao trong do việc quản lý chặt tải trọng, lỗi do chênh lệch tỷ giá và các chi phí phát sinh khác.

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm dịch vụ của Công ty trong 03 năm trước cổ phần hóa như sau:

Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm dịch vụ

| Khoản mục | 2013 | | 2014 | | 2015 | | 6T/2016 | |
|-----------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|
| | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |

| Khoản mục | 2013 | | 2014 | | 2015 | | 6T/2016 | |
|--|----------------------|----------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------|----------------------------|
| | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/D TT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng/ DTT (%) |
| Bột mì | 31.265 | 4,153 | 31.455 | 4,243 | 22.571 | 3,928 | 13.677 | 5,426 |
| Cám mì | 9 | 0,001 | (728) | -0,098 | (147) | -0,026 | 62 | 0,025 |
| Lúa mì | 1 | - | (3.903) | -0,526 | 1.339 | 0,233 | 245 | 0,097 |
| Gạo | 863 | 0,115 | 670 | 0,090 | 271 | 0,047 | 325 | 0,129 |
| Cám viên | 52 | 0,007 | 53 | 0,007 | - | - | - | - |
| Đậu tương | 100 | 0,013 | - | - | - | - | - | - |
| Khô dừa | 39 | 0,005 | - | - | - | - | - | - |
| Ngô hạt | - | 0,000 | 99 | 0,013 | - | - | - | - |
| Mặt hàng khác | 50 | 0,007 | - | 0,000 | 12 | 0,002 | (63) | -0,025 |
| Dịch vụ | 1.427 | 0,190 | 1.815 | 0,245 | 2.333 | 0,406 | 1.707 | 0,677 |
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - | (1.253) | -0,169 | 1.253 | 0,218 | 43 | 0,017 |
| Tổng cộng | 33.807 | 4,490 | 28.208 | 3,805 | 27.631 | 4,808 | 15,996 | 6,345 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1

Mức lợi nhuận gộp của Công ty trong giai đoạn 2013-2015 có chiều hướng giảm dần về số tuyệt đối. Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty là mảng kinh doanh sản xuất bột mì (đuy trì trên 80% tổng doanh thu thuần của Công ty trong giai đoạn 2013-2015), tiếp theo đó là cám mì và các sản phẩm khác.

Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do các doanh nghiệp FDI đã tiếp tục gia tăng công suất và mở rộng thêm nhà máy tại khu vực miền Bắc (địa bàn hoạt động chính của Công ty) cùng với các chính sách giảm giá, khuyến mại với mục tiêu dần chiếm lĩnh thị trường. Do đó, để giữ vững thị phần bột mì, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã phải đẩy mạnh các chương trình bán hàng cho các khách hàng thân thiết nên chi phí tăng dẫn đến hiệu quả kinh doanh đạt thấp trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, kể từ năm 2014, giá lúa mì có chiều hướng giảm dần do lượng cung lúa mì trên thế giới tăng trong thời gian qua và vẫn chưa có dấu hiệu chững lại. Do đó, để tránh thua lỗ, các công ty sản xuất bột mì nói chung và Công ty TNHH MTV bột mì Vinafood 1 nói riêng đã phải giảm giá bán để cạnh tranh.

Việc áp dụng chặt chẽ tải trọng đối với xe cơ giới đã làm cho giá cước vận chuyển tăng cao và gây ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ và giá bán sản phẩm tại các nhà máy của Công ty (*nhà máy Hưng Quang có vị trí vận chuyển hàng hóa không*

thuận tiện như tại nhà máy Bảo Phước), lượng hàng tồn kho của Công ty tăng cao nên kết quả sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả.

Ngoài ra, trong các năm gần đây, Công ty chịu khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do biến động tỷ giá ngoại tệ, trong khi việc nhập khẩu nguyên liệu của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi các khoản vay ngoại tệ. Năm 2015, Công ty chịu lỗ chênh lệch tỷ giá hơn 8,61 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức 3,08 tỷ đồng (2014) và 2,06 tỷ đồng (2013).

10.2 Nguồn nguyên vật liệu

Với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm mà chủ yếu là bột mì và các sản phẩm từ bột mì, nguồn cung ứng nguyên liệu của Công ty là lúa mì. Hiện nay, Công ty đang nhập khẩu các mặt hàng lúa mì APH, AH11.5, APH13, APH14, AH12, AH13...từ các nhà cung cấp tại Bắc Mỹ và Úc như các hãng Bungee, CBH, Vitol, Glencore, Arrow, Agracom, Robinson...

❖ Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nhìn chung, các loại nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá phổ biến và có nhiều nhà cung cấp lớn, uy tín trên thế giới nên Công ty có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trải qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã xác lập các quan hệ bạn hàng với các đối tác cung cấp này nên nguồn cung nguyên vật liệu thường xuyên đảm bảo sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do mặt hàng lúa mì thường phải nhập khẩu với khối lượng lớn để các nhà cung cấp vận chuyển đến cảng thuận tiện (cảng Cái Lân) nên hiện nay Công ty vẫn phải tìm kiếm các nhà sản xuất khác để cùng liên kết nhập khẩu, giảm chi phí.

❖ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn (khoảng trên 94% tổng chi phí) cộng thêm việc giá bán thành phẩm diễn biến theo giá nguyên vật liệu đầu vào, chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là giá lúa mì nhập khẩu. Bên cạnh đó giá cả nguyên vật liệu khác phục vụ sản xuất như điện, nước, xăng dầu... cũng biến động liên tục cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

10.3 Chi phí sản xuất và chi phí khác

➤ Tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần

Bảng tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần

| Khoản mục | 2013 | | 2014 | | 2015 | | 6T/2016 | |
|-------------------|------------------------|--------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|------------------------|--------------|
| | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Giá vốn hàng bán | 719.084.447.227 | 95,51 | 713.202.858.632 | 96,20 | 547.031.919.305 | 95,19 | 236.089.013.193 | 93,65 |
| Chi phí tài chính | 8.922.676.116 | 1,19 | 10.957.258.020 | 1,48 | 12.392.027.567 | 2,16 | 2.600.188.333 | 1,03 |
| Chi phí bán hàng | 9.026.723.165 | 1,20 | 8.806.190.620 | 1,19 | 10.100.372.213 | 1,76 | 3.457.279.485 | 1,37 |
| Chi phí quản lý | 12.501.909.918 | 1,66 | 8.572.589.166 | 1,16 | 8.646.117.926 | 1,50 | 8.295.627.188 | 3,29 |
| Chi phí khác | 46.519.246 | 0,01 | 103.562.963 | 0,01 | 33.509.515 | 0,01 | 856.961.519 | 0,34 |
| Tổng cộng | 749.582.275.722 | 99,56 | 741.642.459.401 | 100,03 | 578.203.946.526 | 100,62 | 251.299.069.718 | 99,69 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, kiểm toán các giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015 và BCTC Quý II/2016 của Công ty

➤ **Phân tích biến động chi phí sản xuất của Công ty**

Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là tương đối ổn định trong thời gian qua. Với đặc điểm là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh bột mì nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của công ty (chiếm tỉ trọng trên 93% so với doanh thu thuần).

Trong năm 2015, giá vốn hàng bán của Công ty sụt giảm còn 95,19% so với doanh thu thuần so với mức gần 96% trong khoảng thời gian năm 2013 - 2014 do giá bột mì thế giới có xu hướng giảm dần. Trong khi đó, chi phí tài chính trong những năm gần đây tăng do lỗ chênh lệch tỷ giá và lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng nhẹ.

Các chi phí bán hàng của Công ty tăng lên mức 1,76% doanh thu thuần năm 2015 do cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI, Công ty đã phải chủ động sử dụng nhiều chính sách khuyến mãi, giảm giá nhằm giữ vững thị phần.

10.4 Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất

So với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực, Công ty TNHH Bột mì Vinafood 1 thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ tốt. Công ty có 02 nhà máy sản xuất bột mì với công nghệ của hãng Buhler, HBA đạt tổng công suất 440 tấn/ngày. Dây chuyền, máy móc và công nghệ hiện đại của Công ty đáp ứng được yêu cầu phát triển của đơn vị, tạo điều kiện mở rộng thị trường, đa dạng hoá sản phẩm, cụ thể là các sản phẩm cao cấp phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của thị trường về các sản phẩm mì gói, bánh mì, bánh ngọt trung cao cấp.

10.5 Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Công ty luôn xác định lấy việc sản xuất chế biến kinh doanh bột mì làm trọng tâm, đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh có lãi, giữ vững và phát triển thị trường hiện có bằng việc bám sát thị trường đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm bột mì, đặc biệt chú trọng thị trường bán cho kênh phân phối. Để đạt được mục tiêu đã nêu Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng cũng như mẫu mã, bao gói sản phẩm. Do khách hàng sử dụng sản phẩm bột mì với số lượng lớn thường tập trung vào các Công ty sản xuất mì gói, bánh kẹo với các yêu cầu về tiêu chuẩn và chất lượng khác nhau. Do đó Phòng Kinh doanh và Phòng công nghệ có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu để sản xuất các nhãn hàng sản phẩm mới, đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.

10.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Trong hoạt động kiểm tra chất lượng, Công ty áp dụng tiêu chuẩn cao cho nguồn nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đóng gói tại đầu ra của từng nhà máy sản xuất bột mì. Ngoài ra, Hệ thống quản lý của Công ty luôn được cải tiến để phù hợp với chính sách chất lượng và yêu cầu phát triển.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty: Công ty đã xây dựng phòng công nghệ

để thực thi các chương trình giám sát, kiểm soát chất lượng bài bản, chặt chẽ. Quá trình làm việc của từng đội sản xuất được quản lý, giám sát thông qua Nhật ký công tác và Báo cáo kết quả công việc. Hệ thống quản lý của Công ty được áp dụng theo tiêu chuẩn HACCP/ISO 22000 và các quy định, quy phạm an toàn để cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, số lượng và dịch vụ theo như yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn có sự phối hợp kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước như Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ.... thường xuyên tiến hành nghiệm thu xác nhận chất lượng sản phẩm do Công ty cung cấp ra thị trường

10.7 Hoạt động Marketing

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã xây dựng được niềm tin và uy tín với người tiêu dùng nhờ luôn thực hiện đúng sứ mệnh *“Chúng tôi luôn cố gắng trở thành nhà sản xuất và cung ứng lương thực thực phẩm uy tín, là đối tác tin cậy của bạn hàng. Chúng tôi luôn liên tục tự hoàn thiện để tạo ra những sản phẩm ổn định và tốt nhất. Chúng tôi phục vụ khách hàng tận tụy, hiệu quả và nhanh nhất”*

Bên cạnh website www.vnflour.com.vn để quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, Công ty phát triển thương hiệu thông qua quảng cáo trên báo, tạp chí ngành. Ngoài ra, Công ty luôn sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, không ngừng đầu tư công nghệ, cải tiến hệ thống sản xuất với mục đích cuối cùng là cải thiện chất lượng và giảm giá thành sản phẩm.

10.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là doanh nghiệp nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bột mì trên phạm vi cả nước. Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng. Dự kiến sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ từng bước chuẩn hóa các hình ảnh logo, nhãn hiệu sản phẩm và tiến hành đăng ký nhãn hiệu thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình.

10.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Hiện tại, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã thực hiện hoặc đã ký kết một số hợp đồng tiêu biểu như sau:

Bảng một số hợp đồng tiêu biểu

| TT | Số hợp đồng | Nội dung | Đối tác | Thời gian thực hiện |
|-----------|--------------------|----------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1 | 395/2015/HĐ-HCM | HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì | CTCP Acecook Việt Nam | 2015 - 2016 |
| 2 | 60/2016/HĐKT | HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì | Công ty CP MB Khải Minh | 2016 |
| 3 | 18/2016/HĐKT | HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì | Công ty TNHH Khải Minh | 2016 |

| TT | Số hợp đồng | Nội dung | Đối tác | Thời gian thực hiện |
|-----------|--------------------|----------------------------------|---|----------------------------|
| 4 | 85/2016/HĐKT | HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì | Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimarflour | 2016 |
| 5 | 25/2016/HĐKT | HĐ nguyên tắc về cung cấp bột mì | Công ty CP Công nghệ thực phẩm Châu Á | 2016 |

Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1

11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước khi cổ phần hóa

11.1 Thực trạng về tài chính của Công ty trước khi cổ phần hóa.

Trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, tình hình về tài chính của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được thể hiện qua các số liệu như sau:

Bảng thực trạng về tài chính Công ty giai đoạn 2013 – 6T/2016

Đơn vị: VND

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | 6T/2016 |
|------------|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 252.483.678.781 | 277.119.453.192 | 208.032.860.059 | 156.477.564.617 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 46.694.901.956 | 52.429.939.946 | 24.283.729.805 | 6.915.179.112 |
| 1 | Tiền | 36.464.901.956 | 30.429.939.946 | 15.283.729.805 | 6.685.179.112 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 10.230.000.000 | 22.000.000.000 | 9.000.000.000 | 230.000.000 |
| II | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 230.000.000 | 230.000.000 | - |
| 1 | Đầu tư ngắn hạn | - | 230.000.000 | 230.000.000 | - |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | 102.077.508.361 | 78.163.952.380 | 69.630.632.357 | 76.982.402.531 |
| 1 | Phải thu khách hàng | 98.629.227.275 | 75.996.593.471 | 68.228.577.570 | 65.091.889.805 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 2.892.750.355 | 901.661.644 | 679.114.134 | 11.297.552.949 |
| 3 | Phải thu nội bộ | 522.600.909 | 1.265.697.265 | - | - |
| 4 | Các khoản phải thu khác | 32.929.822 | - | 766.606.223 | 592.959.777 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | - | - | (43.665.570) | - |
| IV | Hàng tồn kho | 99.065.284.005 | 145.671.111.860 | 113.619.091.873 | 72.243.147.992 |
| 1 | Hàng tồn kho | 99.065.284.005 | 146.924.016.768 | 113.619.091.873 | 72.243.147.992 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (1.252.904.908) | - | - |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 4.645.984.459 | 624.449.006 | 269.406.024 | 336.834.982 |

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | 6T/2016 |
|------------|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 534.817.234 | 126.401.279 | 261.114.679 | 317.721.927 |
| 2 | Thuế GTGT được khấu trừ | 21.079.546 | 5.524.035 | - | - |
| 3 | Tài sản ngắn hạn khác | 4.090.087.679 | 492.523.692 | - | - |
| 4 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | - | - | 8.291.345 | 19.113.055 |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 187.543.783.523 | 185.872.543.091 | 165.085.211.989 | 159.538.576.070 |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | - | - | 12.500.000 | - |
| 1 | Phải thu dài hạn khác | - | - | 12.500.000 | - |
| II | Tài sản cố định | 186.826.173.106 | 185.328.898.789 | 164.576.391.335 | 158.696.029.384 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 55.043.959.432 | 46.847.819.825 | 164.576.391.335 | 158.696.029.384 |
| | - Nguyên giá | 115.861.216.313 | 116.609.410.851 | 225.158.793.516 | 255.229.921.516 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | (60.817.256.881) | (69.761.591.026) | (90.582.402.181) | (96.533.892.132) |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | - | - | - | - |
| | - Nguyên giá | 101.150.000 | 101.150.000 | 101.150.000 | 101.150.000 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | (101.150.000) | (101.150.000) | (101.150.000) | (101.150.000) |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 131.782.213.674 | 138.481.078.964 | - | - |
| III | Tài sản dài hạn khác | 717.610.417 | 543.644.302 | 496.320.654 | 842.546.686 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 705.110.417 | 531.144.302 | 496.320.654 | 842.546.686 |
| 2 | Tài sản dài hạn khác | 12.500.000 | 12.500.000 | - | - |
| | TỔNG TÀI SẢN | 440.027.462.304 | 462.991.996.283 | 373.118.072.048 | 316.016.140.687 |
| A | NỢ PHẢI TRẢ | 440.027.462.304 | 462.991.996.283 | 153.016.125.411 | 95.020.537.473 |
| I | Nợ ngắn hạn | 242.257.633.291 | 267.990.213.886 | 152.922.445.411 | 94.926.857.473 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 176.086.166.518 | 184.949.040.500 | 128.477.467.400 | 70.194.881.278 |
| 2 | Phải trả người bán | 17.356.141.246 | 22.181.708.910 | 4.207.535.868 | 2.956.862.921 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 452.730.590 | 220.141.668 | 16.620.000 | 149.026.125 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 4.907.950.956 | 4.499.548.020 | 3.465.616.245 | 2.709.004.847 |
| 5 | Phải trả người lao động | 5.744.987.529 | 1.402.389.160 | 1.544.615.208 | 3.592.724.185 |
| 6 | Chi phí phải trả | 7.767.344.371 | 13.061.101.475 | 748.157.795 | 1.961.212.813 |
| 7 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | - | - | 421.927.273 | 195.209.091 |
| 8 | Phải trả nội bộ | 22.284.797.474 | 31.450.847.383 | - | - |
| 9 | Các khoản phải trả, phải nộp khác | 7.657.514.607 | 10.225.436.770 | 12.223.705.622 | 12.589.137.626 |

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | 6T/2016 |
|-----------|-----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 10 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | 1.816.800.000 | 578.798.587 |
| II | Nợ dài hạn | 197.769.829.013 | 195.001.782.397 | 93.680.000 | 93.680.000 |
| 1 | Phải trả dài hạn nội bộ | 197.671.647.194 | 194.778.600.579 | - | - |
| 2 | Doanh thu chưa thực hiện | 98.181.819 | 223.181.818 | - | - |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | - | - | 93.680.000 | 93.680.000 |
| B | NGUỒN VỐN CSH | - | - | 220.101.946.637 | 220.995.603.214 |
| I | Vốn chủ sở hữu | - | - | 220.101.946.637 | 220.995.603.214 |
| 1 | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | - | - | 220.000.000.000 | 220.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | - | 101.946.637 | 995.603.214 |
| | TỔNG NGUỒN VỐN | 440.027.462.304 | 462.991.996.283 | 373.118.072.048 | 316.016.140.687 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, kiểm toán các giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015 và BCTC Quý II/2016 của Công ty

Lưu ý: Trong năm 2015, Báo cáo tài chính kiểm toán của công ty bao gồm 2 giai đoạn:

Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/11/2015 dưới mô hình Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Giai đoạn từ 01/12/2015 đến 31/12/2015 hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1.

Trong bản Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 này, số liệu của các khoản mục trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 của công ty được tính toán trên cơ sở cộng gộp 02 giai đoạn tài chính tại các Báo cáo tài chính kiểm toán nêu trên.

Trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Bột mì Vinafood 1 – Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, đơn vị kiểm toán đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc Chi nhánh trích lập dự phòng giảm giá nguyên liệu tồn kho chưa có đủ căn cứ hợp lý theo quy định, với giá trị 1.252.904.908 VND. Chi nhánh không điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 mà hoàn nhập khoản trích dự phòng này vào kỳ báo cáo năm 2015 dẫn tới kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 – 30/11/2015 tăng lên 1.252.904.908 VND

11.2 Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Trong 3 năm trước khi cổ phần hóa, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được thể hiện qua các số liệu như sau:

Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh Công ty

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | 6T/2016 |
|-----------|--|------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 440.027.462.304 | 462.991.996.283 | 373.118.072.048 | 316.016.140.687 |
| 2 | Vốn nhà nước theo sổ sách ^(*) | Đồng | - | - | 220.145.612.207 | 220.995.603.214 |
| 3 | Vay và nợ ngắn hạn | Đồng | 176.086.166.518 | 184.949.040.500 | 128.477.467.400 | 70.194.881.278 |
| 4 | Vay và nợ dài hạn | Đồng | 197.769.829.013 | 195.001.782.397 | 93.680.000 | 93.680.000 |
| 5 | Nợ phải thu khó đòi | Đồng | - | - | - | - |
| 6 | Tổng số lao động | người | 183 | 175 | 170 | 159 |
| 7 | Tổng quỹ lương | Trđ | 12.846.600.000 | 12.180.000.000 | 11.016.000.000 | 5.247.000 |
| 8 | Thu nhập bình quân tháng | Trđ | 5.850.000 | 5.800.000 | 5.400.000 | 5.500.000 |
| 9 | Tổng Doanh thu | Đồng | 755.141.638.492 | 763.700.932.973 | 591.329.079.625 | 252.416.140.439 |
| 10 | Tổng Chi phí | Đồng | 749.582.275.722 | 741.642.459.401 | 578.203.946.526 | 251.299.069.718 |
| 11 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 6.071.893.658 | 142.825.325 | (2.542.842.634) | 1.117.070.721 |
| 12 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 6.071.893.658 | 142.825.325 | (2.571.596.814) | 893.656.577 |
| 13 | Tỷ suất LNST/Vốn nhà nước | % | - | - | (1,06%) | 0,40% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, kiểm toán các giai đoạn 01/01/2015 – 30/11/2015, giai đoạn 01/12/2015 – 31/12/2015 và BCTC Quý II/2016 của Công ty

(): năm 2013, 2014 đơn vị là Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty nên không có các số liệu về vốn nhà nước theo sổ sách*

Trong giai đoạn 2013-2015, Công ty có tình hình tài chính tương đối tốt, tuy nhiên do biến động giá nguyên liệu đầu vào và áp lực cạnh tranh gay gắt tại thị trường bột mì trong nước nên kết quả kinh doanh của Công ty giảm, lãi chỉ còn 142,82 triệu đồng trong năm 2014 và lỗ 2,57 tỷ đồng năm 2015.

11.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

11.3.1 Những nhân tố thuận lợi

Bột mì là ngành lương thực quan trọng, sản phẩm bột mì được sử dụng để sản xuất mì ăn liền, bánh mì, bánh ngọt, và các sản phẩm bánh kẹo cao cấp như bánh quy, bánh snack, bánh bông lan... Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hoá, hình thành tác phong công nghiệp, làm tăng nhu cầu về thức ăn nhanh. Đồng thời, đời sống người dân được nâng cao, nhu cầu quà biếu ngày lễ/Tết là các sản phẩm bánh kẹo cao cấp cũng góp phần làm tăng sản lượng tiêu thụ bột mì. Ngoài ra, bột mì còn được sử dụng để sản xuất các sản phẩm thức ăn chăn nuôi phục vụ cho ngành nuôi trồng thủy hải sản. Nhu cầu của xã hội chính là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất bột mì nói chung trong đó có Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1.

Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được thừa kế từ Công ty bột mì Vinafood 1 toàn bộ trang thiết bị máy móc, dây chuyền sản xuất, kho tàng, văn phòng tương đối tốt tại 2 Nhà máy: Nhà máy bột mì Bảo Phước tại địa chỉ Khu công nghiệp

Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Nhà máy bột mì Hưng Quang tại địa chỉ khối Tân Hòa, phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Tòa nhà Văn phòng Công ty tại địa chỉ Số 94 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm của Tổng công ty Lương thực miền Bắc và sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống là các nhà sản xuất và nhà phân phối có uy tín và quy mô lớn như: Acecook, Masan, Micoem, Khải Minh, DNTN Vinh Phương...

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Một thành viên Bột mì Vinafood 1 được tổ chức đầy đủ với các cán bộ quản lý và các phòng ban chuyên môn, có tập thể người lao động và Ban Lãnh đạo Công ty luôn đoàn kết, gắn bó, đồng viên, hỗ trợ lẫn nhau vượt qua khó khăn thách thức trong công việc cũng như trong cuộc sống.

11.3.2 Những nhân tố khó khăn

Trong giai đoạn 2013 – 2015, các yếu tố chi phí đầu vào của Công ty có xu hướng biến động, trong đó đặc biệt là giá nguyên liệu đầu vào là lúa mì có xu hướng giảm do đó giá bán thành phẩm của Công ty phải giảm theo để đảm bảo cạnh tranh do đó ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, việc nhập khẩu lúa mì và nhận nợ vay ngoại tệ khiến Công ty gặp rủi ro khi có các biến động tỷ giá.

Ngoài ra, thị trường sản xuất bột mì tại Việt Nam ngày càng gặp phải nhiều cạnh tranh gay gắt. Các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân trong nước đã có nhiều chiến lược cạnh tranh về giá cả và khuyến mãi thu hút các khách hàng truyền thống của Công ty

11.4 Vị thế của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

Vị thế của Công ty trong ngành: Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 là một trong những đơn vị sản xuất bột mì uy tín trong nước. Hiện nay, công ty đang sử dụng chủ yếu là công nghệ sản xuất hiện đại của hãng Buhler, HBA với tổng công suất 440 tấn/ngày. Công ty có bề dày kinh nghiệm trong ngành nghề sản xuất kinh doanh bột mì, với đội ngũ kỹ thuật có chuyên môn cao và năng động.

Ngoài ra, Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và nhận được nhiều sự hỗ trợ, giúp đỡ từ phía Tổng công ty. Cùng với bề dày kinh nghiệm của mình, Công ty có nhiều lợi thế trong việc tiếp tục cạnh tranh và phát triển trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bột mì

Triển vọng phát triển của ngành: lĩnh vực chế biến và sản xuất bột mì mặc dù có nhiều cạnh tranh gay gắt nhưng đang còn nhiều tiềm năng phát triển do quy mô thị trường Việt Nam còn lớn, mức tiêu thụ bột mì bình quân đầu người còn thấp hơn các nước trong khu vực, cùng với quá trình phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập sẽ thúc đẩy tiêu dùng các sản phẩm chế biến từ bột mì.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới: an ninh lương

thực là vấn đề quan trọng luôn được Nhà nước ưu tiên và khuyến khích phát triển các lĩnh vực có liên quan để củng cố khả năng đảm bảo và tự chủ về lương thực. Do đó, việc sản xuất và chế biến bột mỳ của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới cũng như nhu cầu thị trường Việt Nam.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về doanh nghiệp sau chuyển đổi

1.1 Thông tin cơ bản

- Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1**
- Tên tiếng Anh: **Vinafood 1 Flour Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **VNF1 FLOUR. JSC**
- Địa chỉ trụ sở: Số 94 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (84 – 4) 6278 2448 Fax: (84 – 4) 6278 2457
- Website: www.vnf1flour.com.vn
- Email: vnf1flour@vnf1flour.com.vn

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1, Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1 kế thừa các ngành, nghề kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Bột mì Vinafood 1 và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo hiệu quả hoạt động, cổ phần hóa nhằm tạo ra một cấu trúc tài chính lành mạnh, làm tiền đề cho sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi đồng thời tạo nguồn vốn chủ động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp đã xác định nhu cầu vốn điều lệ của công ty cổ phần như sau:

- Vốn điều lệ : **242.000.000.000 đồng** (hai trăm bốn mươi hai tỷ đồng).
- Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng**
- Số lượng cổ phần : **24.200.000 cổ phần**

Theo Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1, cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Bảng cơ cấu vốn điều lệ

| TT | Danh mục | Tỷ lệ | Số cổ phần (CP) | Giá trị cổ phần (đồng) |
|----|--|--------|-----------------|------------------------|
| 1 | Cổ phần Nhà nước nắm giữ do Tổng công ty Lương thực miền Bắc đại diện sở hữu | 65,00% | 15.730.000 | 157.300.000.000 |
| 2 | Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động | 0,99% | 240.200 | 2.402.000.000 |

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| TT | Danh mục | Tỷ lệ | Số cổ phần (CP) | Giá trị cổ phần (đồng) |
|-----------|---|--------------|------------------------|-------------------------------|
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | <i>- Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm làm việc trong khu vực nhà nước;</i> | <i>0,61%</i> | <i>148.100</i> | <i>1.481.000.000</i> |
| | <i>- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài.</i> | <i>0,38%</i> | <i>92.100</i> | <i>921.000.000</i> |
| 3 | Cổ phần bán đấu giá công khai | 34,01% | 8.229.800 | 82.298.000.000 |
| | Cộng | 100% | 24.200.000 | 242.000.000.000 |

3. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1 sẽ được bố trí theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bao gồm;

- **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông của Công ty;
- **Hội đồng quản trị:** dự kiến có **từ 03 đến 05 thành viên**, số lượng cụ thể do kết quả bán cổ phần và ĐHĐCĐ quyết định;
- **Ban Kiểm soát:** dự kiến **03 thành viên**;
- **Ban (Tổng) Giám đốc:** bao gồm Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng.
- **Các ban chức năng tại Văn phòng Công ty** kế thừa tổ chức của các phòng ban nghiệp vụ của Công ty TNHH MTV và bổ sung thêm một số nhân sự cho phù hợp cụ thể:
 - + Ban Tổ chức Hành Chính: 11 người;
 - + Ban Tài chính Kế toán: 04 người;
 - + Ban Kinh doanh: 10 người;
 - + Ban Công nghệ và Đảm bảo chất lượng: 01 - 03 người;
 - + Ban Kinh tế Đối ngoại: 01 - 03 người.
- **Các đơn vị trực thuộc:**

Trên cơ sở các địa điểm kinh doanh hiện nay để thành lập các chi nhánh gồm:

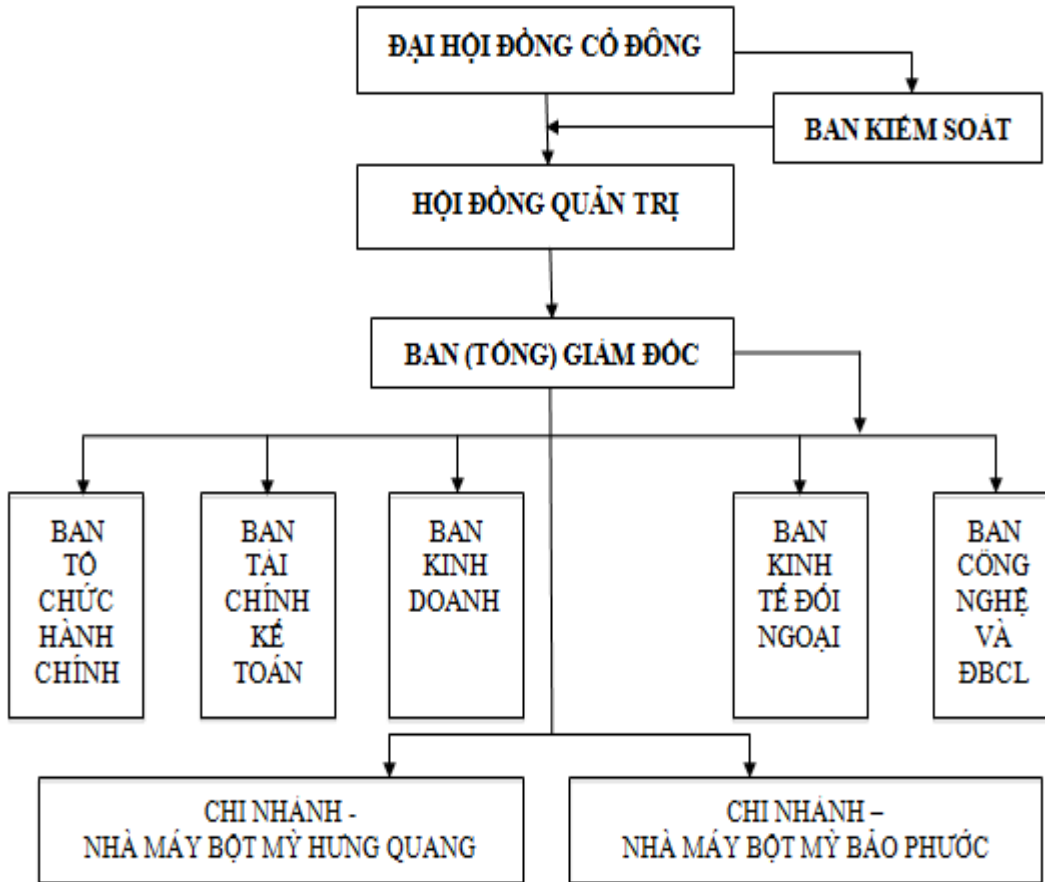
- **Nhà máy Bột mì Hưng Quang – Chi nhánh của Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1**

– Nhà máy Bột mì Bảo Phước – Chi nhánh của Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1

- Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội: bao gồm Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty.

Khái quát tại sơ đồ kèm theo.

SƠ ĐỒ DỰ KIẾN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN



4. Mục tiêu và định hướng phát triển công ty cổ phần

Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, doanh nghiệp xây dựng mục tiêu, định hướng của công ty cổ phần như sau:

4.1 Mục tiêu

- Tái cấu trúc và xây dựng Công ty Bột mì Vinafood 1 mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- Xây dựng doanh nghiệp thành một đơn vị đi đầu trong lĩnh vực sản xuất bột mì tại Việt Nam.

4.2 Định hướng:

➤ **Liên kết:** Các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn như việc sản xuất bánh mì, các sản phẩm từ bột mì.

➤ **Định hướng ngành nghề và sản phẩm**

Phát triển vững chắc - tập trung thực hiện tốt các gói hợp đồng cung cấp sản phẩm đã ký với các khách hàng, đối tác. Không ngừng nâng cao tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm đầu ra của Công ty đáp ứng đa dạng hóa nhu cầu của các khách hàng.

➤ **Về kỹ thuật, công nghệ**

Không ngừng đổi mới, nâng cấp các trang bị thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất của Công ty, đảm bảo tiêu chuẩn khắt khe.

➤ **Đổi mới**

Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp. Công ty là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm bột mì tại Việt Nam.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

5.1 Cơ sở xây dựng kế hoạch

Kế hoạch kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Công ty được đảm bảo vốn vay từ ngân hàng kịp thời với lãi suất vay VND trong khoảng từ 7-8%/năm;
- Giá lúa mì trên thế giới biến động trong khoảng từ 2-3%/năm;
- Tỷ giá ngoại tệ ổn định; lạm phát không tăng.
- Các chính sách thuế như thuế TNDN, thuế xuất, nhập khẩu... ổn định.

- Công ty là đơn vị có truyền thống, hoạt động uy tín, có nguồn khách hàng lớn và nhận được sự hỗ trợ, hậu thuẫn từ Tổng công ty Lương thực miền Bắc;
- Các yếu tố sau thời gian dài biến động như: chi phí xăng dầu, điện nước, tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động ... đến nay đã dần đi vào ổn định làm giảm áp lực chi phí của doanh nghiệp;

Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa 2016-2019 tại các phần sau

5.2 Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Công ty cổ phần

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-----------|-----------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Vốn điều lệ CTCP | Trđ | 242.000 | 242.000 | 242.000 | 242.000 |
| 2 | Sản lượng sản phẩm chủ yếu | Kg | 83.050.000 | 91.350.000 | 100.450.000 | 110.500.000 |
| 2.1 | Bột mì | “ | 53.000.000 | 58.450.000 | 64.500.000 | 71.000.000 |
| 2.2 | Cám mì | “ | 18.000.000 | 19.800.000 | 21.500.000 | 23.700.000 |
| 2.3 | Lúa mì | “ | 2.000.000 | 2.200.000 | 2.400.000 | 2.600.000 |
| 2.4 | Nguyên liệu thức ăn gia súc | “ | 4.000.000 | 4.300.000 | 4.750.000 | 5.200.000 |
| 2.5 | Nông sản | “ | 4.050.000 | 4.400.000 | 4.800.000 | 5.300.000 |
| 2.6 | Gạo cung ứng xuất khẩu | “ | 2.000.000 | 2.200.000 | 2.500.000 | 2.700.000 |
| 3 | Tổng doanh thu | Trđ | 530.000 | 583.000 | 641.300 | 705.400 |
| 3.1 | Bột mì | “ | 376.300 | 414.000 | 455.600 | 501.000 |
| 3.2 | Cám mì | “ | 84.600 | 93.000 | 102.300 | 112.000 |
| 3.3 | Lúa mì | “ | 11.400 | 12.500 | 13.500 | 15.200 |
| 3.4 | Nguyên liệu thức ăn gia súc | “ | 38.080 | 41.900 | 46.000 | 50.600 |
| 3.5 | Gạo cung ứng xuất khẩu | “ | 15.500 | 17.100 | 18.900 | 20.800 |
| 3.6 | Nông sản khác | “ | 355 | 400 | 500 | 600 |
| 3.7 | Doanh thu dịch vụ | “ | 2.965 | 3.200 | 3.480 | 4.070 |
| 3.8 | Doanh thu khác, thu nhập khác | “ | 800 | 900 | 1.020 | 1.130 |
| 4 | Tổng chi phí | Tr đ | 528.700 | 574.530 | 631.980 | 695.150 |
| 5 | Giá vốn hàng bán | Trđ | 503.800 | 547.170 | 601.300 | 661.400 |

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-----------|---|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 5.1 | Bột mì | “ | 355.100 | 385.500 | 424.000 | 466.000 |
| 5.2 | Cám mì | “ | 84.600 | 92.000 | 101.000 | 111.000 |
| 5.3 | Lúa mì | “ | 10.800 | 11.500 | 12.700 | 13.800 |
| 5.4 | Nguyên liệu thức ăn gia súc | “ | 37.550 | 41.000 | 44.600 | 49.000 |
| 5.5 | Gạo cung ứng xuất khẩu | “ | 15.400 | 16.800 | 18.500 | 20.300 |
| 5.6 | Nông sản khác | “ | 350 | 370 | 500 | 1.300 |
| 6 | Lợi nhuận gộp về BH và CCDV | “ | 26.200 | 35.830 | 40.000 | 44.000 |
| 7 | Doanh thu tài chính | “ | 600 | 650 | 720 | 780 |
| 8 | Chi phí bán hàng | “ | 6.000 | 6.600 | 7.400 | 8.200 |
| 9 | Chi phí QLDN | “ | 10.000 | 11.000 | 12.360 | 13.600 |
| 10 | Chi phí tài chính | “ | 8.300 | 9.100 | 10.200 | 11.150 |
| 11 | Thu nhập khác | “ | 200 | 250 | 300 | 350 |
| 12 | Chi phí khác | “ | 600 | 660 | 720 | 800 |
| 13 | Lợi nhuận trước thuế | “ | 1.300 | 8.470 | 9.320 | 10.250 |
| 14 | Lợi nhuận sau thuế | “ | 1.040 | 6.776 | 7.456 | 8.200 |
| 15 | Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) | % | - | 2,0% | 2,2% | 2,4% |
| 16 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 11,136 | 12,058 | 13,300 | 14,361 |
| 17 | Lao động bình quân (người) | Người | 160 | 165 | 170 | 170 |
| 18 | Thu nhập bình quân (đ/người/tháng) | Đồng | 5.800.000 | 6.090.000 | 6.520.000 | 7.040.000 |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1

Kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty sẽ được đệ trình và do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

5.3 Kế hoạch xây dựng cơ bản

Hiện tại, Công ty đang vận hành 03 dây chuyền sản xuất Bột mì của hãng Buhler, HBA với tổng công suất 440 tấn/ngày, trong đó dây chuyền số 3 mới được đầu tư và đi vào vận hành từ năm 2013 và đang đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất của Công ty. Do đó, trong tương lai, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp dây chuyền sản xuất khi

nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tăng nhanh và nguồn lực đầu tư cho phép. Trong đó, tập trung vào việc đầu tư thêm các Silo chứa nguyên liệu tại nhà máy Bột mì Hưng Quang (hiện nay chưa có), nhà máy Bột mì Bảo Phước và xây dựng các kho bảo quản thành phẩm đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng cao.

5.4 Kế hoạch tài chính

Là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh lâu năm trong ngành, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tín dụng uy tín đối với các Ngân hàng. Các hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu được tài trợ bởi các Ngân hàng thương mại. Khi có nhu cầu về nhập khẩu để sản xuất, Công ty sẽ lên kế hoạch tài chính, bên cạnh nguồn vốn tự có sẽ bổ sung thêm vốn huy động từ nguồn: các tổ chức tín dụng; các cổ đông, khách hàng, nhà cung cấp (ứng trước tiền hàng, hàng đổi hàng)...và huy động từ những nguồn nhân rồi hợp pháp khác (Cán bộ công nhân viên, ...) bảo đảm cân đối kịp thời, đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Tuy nhiên để nâng cao năng lực tài chính, Công ty sẽ xây dựng kế hoạch tăng vốn ở thời điểm thích hợp để có nguồn vốn chủ động nhập khẩu nguyên liệu và đầu tư xây dựng cơ bản.

5.5 Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2016-2019 đã đề ra, Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 sẽ chủ động xem xét đánh giá cải tổ lại công tác tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý để hoạt động thực sự mang lại hiệu quả. Các nhóm giải pháp đưa ra gồm:

a. Giải pháp về sản phẩm và thị trường:

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực của Công ty trên lĩnh vực hoạt động cụ thể, trong đó tập trung vào lĩnh vực chính là: sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mì và các loại sản phẩm từ bột mì.
- Hoàn thiện cơ sở về vật chất, khép kín chuỗi sản xuất từ các Silo chứa nguyên liệu, Nhà máy sản xuất và Kho bảo quản để phòng tránh mối mọt, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của Công ty, phấn đấu giảm thời gian lưu kho từ bình quân 60 ngày sản xuất xuống 50 ngày. Tổ chức lại công tác quản lý sản xuất tại 02 nhà máy tại thành phố Vinh (Nghệ An) và Hải Phòng theo hướng độc lập, tự chủ trên cơ sở giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí nhằm đảm bảo phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động nhằm mục tiêu thi đua, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất;
- Tập trung tiết giảm chi phí trên mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tối đa các chi phí quản lý; Tập trung cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thông tin điều hành được xử lý kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Quán triệt vai trò trách nhiệm của cán

bộ, nhân viên, tăng cường quản lý giờ lao động, bố trí nhân lực phù hợp, đúng người, đúng việc tạo điều kiện để lao động phát huy tối đa khả năng.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ NN& PTNT, Tổng công ty Lương thực miền Bắc trong thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh tế - chính trị của công ty. Nắm bắt kịp thời những thông tin về chiến lược, định hướng, để giành lợi thế trong việc cạnh tranh.
- Xây dựng hệ thống chính sách khuyến mại hấp dẫn, đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh có năng lực, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, đa dạng hoá sản phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty đến gần hơn với người tiêu dùng nhằm đón đầu xu hướng ngày càng tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm bột mỳ trong nhân dân. Dự kiến sẽ tăng cường đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng từ 4 người (2016) lên quy mô 10 người (2018).
- Nghiên cứu và đánh giá tính khả thi của các phương án đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm như bột mỳ để sản xuất bánh tươi, bánh kẹo cao cấp....
- Thúc đẩy hoạt động bán lẻ tới các hộ tiêu dùng. Phát triển mới thị trường các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế, tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng thị trường cung cấp bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ không chỉ giới hạn phạm vi trong nước. Nghiên cứu khả năng phát triển thêm ngành nghề kinh doanh có liên quan đến bột mỳ trong thời gian tới nhằm tạo ra chuỗi giá trị khép kín.

b. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý khoa học công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực để phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất của Công ty;
- Xây dựng hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và sử dụng thành thực các loại công nghệ tiên tiến trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Giải pháp về tài chính, vốn

- Tiếp tục đánh giá lại tình hình tài chính, vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó có kế hoạch sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Những tài sản không cần dùng sẽ thanh lý, chuyển nhượng để thu hồi vốn hoặc đầu tư cho hoạt động khác có hiệu quả hơn.
- Nâng cao hiệu quả công tác tài chính để đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư thiết bị; cơ cấu lại nguồn vốn trung, dài hạn hợp lý. Tìm kiếm, vận động các nguồn vốn vay tín dụng nhằm phát huy hiệu quả của đòn bẩy tài chính kết hợp các nguồn tiền từ khấu hao, quay vòng vốn do thu hồi nhanh công nợ, giảm tồn kho trong thời gian tới để giảm chi phí vay ngân hàng
- Tổ chức lại công tác kế toán theo hướng gọn nhẹ, hợp lý và có hiệu quả; Theo dõi và quản lý chặt chẽ các khoản chi phí; Lập báo cáo đầy đủ và đúng hạn; Quản lý sát sao các khoản công nợ phải thu của khách hàng, phấn đấu giảm thời gian thu hồi công nợ từ

bình quân 40 ngày xuống 30 ngày; Sử dụng hiệu quả các công cụ tài chính nhằm tăng sức mạnh tài chính; Tiết kiệm các khoản chi phí tài chính... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

d. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các Quy chế, Quy trình nghiệp vụ phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và đơn vị trực thuộc. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.
- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.
- Thực hiện khoán sản xuất và áp dụng các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc mới.
- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được tổ chức chặt chẽ, minh bạch, xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện phát huy hết tính tự chủ, sáng tạo, dám làm dám chịu của các nhân tố trong quá trình tổ chức hoạt động của đơn vị.
- Xây dựng và phát triển một nền văn hóa doanh nghiệp có hệ thống các giá trị cốt lõi tạo được động lực thúc đẩy mọi người làm việc, hạt nhân liên kết mọi người trong doanh nghiệp với nhau, liên kết doanh nghiệp với khách hàng, đối tác của doanh nghiệp, liên kết doanh nghiệp với xã hội, góp phần phát triển thương hiệu, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

e. Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất

- Tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, hoạt động có hiệu quả, có tiềm năng và lợi thế lớn. Lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị hướng tới mục tiêu nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng sản xuất, mở rộng thị phần.
- Rà soát nguồn lực hiện có (thiết bị, công nghệ, đất đai,...), xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có.
- Thường xuyên vệ sinh dây chuyền, máy móc sản xuất đảm bảo an toàn sản xuất theo các tiêu chuẩn cao nhất.
- Tìm kiếm các giải pháp về sản phẩm và thị trường trong lĩnh vực sản xuất, chế biến bột mì và các sản phẩm từ bột mì. Phân đầu xây dựng được dòng sản phẩm khẳng định vị thế của Công ty Bột mì Vinafood 1 trên thị trường.

f. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ. Sau chính thức chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, ban lãnh đạo sẽ rà soát lại nguồn nhân lực hiện có, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch chi tiết việc bố trí nhân sự đảm bảo tính kế thừa có bổ sung nhân tố mới nhằm khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực của đơn vị.
- Lập kế hoạch bố trí cán bộ tham dự các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, cử cán bộ kỹ thuật tham dự các khoá học chuyên sâu về chế biến bột mì... nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng; Xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân lực có chuyên môn phù hợp để tăng cường công tác quản lý sản xuất của đơn vị;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hằng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.

Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường

6. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

• **Đối với cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước:** giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Tổng số cổ phần ưu đãi của **136** cán bộ công nhân viên đủ tiêu chuẩn mua cổ phần theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước: **148.100 cổ phần** tương ứng **0,61%** vốn điều lệ.

• **Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên theo năm cam kết làm việc tại công ty cổ phần:** giá bán bằng giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Tổng số cổ phần cán bộ công nhân viên mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài: **92.100 cổ phần** tương ứng **0,38%** vốn điều lệ.

- **Thời gian thực hiện mua cổ phần của cán bộ công nhân viên:** theo thông báo của Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 sau khi có kết quả bán đấu giá cổ phần lần đầu.
- **Cổ phần bán đấu giá công khai:** Phương thức bán và thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “*Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1*” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

Số cổ phần tổ chức bán đấu giá công khai: 8.229.800 cổ phần tương ứng **34,01%** vốn điều lệ.

7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Tổng số tiền thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp sẽ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa . Việc tính toán số tiền này dựa trên các giả định : giá đấu giá thành công thấp nhất bằng giá khởi điểm (10.000 đồng/cổ phần) và số lượng cổ phần chào bán được bán hết. Số liệu cuối cùng sẽ căn cứ theo kết quả thực tế quá trình bán cổ phần để cổ phần hóa của doanh nghiệp.

Bảng tính toán tiền thu từ cổ phần hóa

| STT | Nội dung chi tiết | ĐVT | Diễn giải | Giá trị |
|----------|---|-------------|--|------------------------|
| 1 | Vốn nhà nước hiện có | Đồng | QĐ phê duyệt GTDN | 242.192.395.177 |
| 2 | Vốn điều lệ dự kiến | “ | | 242.000.000.000 |
| 3 | Dự kiến hoàn ngân sách | “ | = Mục 1 -2 | 192.395.177 |
| 4 | Cơ cấu vốn điều lệ | “ | Dự kiến | 242.000.000.000 |
| a | Nhà nước 65% | “ | Theo quyết định 1360/QĐ-TTg ngày 17/8/2015 | 157.300.000.000 |
| b | Cổ đông khác 35% | “ | = Mục 2 - 4a | 84.700.000.000 |
| 5 | Bán phần vốn Nhà nước | “ | = (mục 1- 2a) | 84.700.000.000 |
| 6 | Số cổ phần phát hành | CP | = mục 4b:10.000 đ/CP | 8.470.000 |
| 7 | Cơ cấu bán cổ phần | CP | = mục 6 | 8.470.000 |
| a | <i>Bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc tại khu vực nhà nước</i> | “ | <i>Danh sách kèm theo</i> | <i>148.100</i> |
| b | <i>Bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài</i> | “ | <i>Danh sách kèm theo</i> | <i>92.100</i> |
| c | <i>Nhà đầu tư khác theo hình thức đấu giá</i> | “ | | <i>8.229.800</i> |
| 8 | Dự kiến giá bán | đ/CP | | |
| a | Giá khởi điểm đề xuất | “ | Đề xuất | 10.000 |

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| STT | Nội dung chi tiết | ĐVT | Diễn giải | Giá trị |
|------------|---|-------------|------------------------------|-----------------------|
| b | Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc tại khu vực nhà nước | “ | = mục 8a x 60% | 6.000 |
| c | Giá bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài | “ | Giá đấu thành công thấp nhất | 10.000 |
| 9 | Số tiền thu từ phát hành CP | Đồng | | 84.107.600.000 |
| a | <i>Bán cho người lao động</i> | “ | = mục 7a x 8b | 888.600.000 |
| b | <i>Bán theo cam kết làm việc</i> | “ | = mục 7b x 8c | 921.000.000 |
| e | <i>Bán cho các nhà đầu tư khác</i> | “ | = mục 7c x 8a | 82.298.000.000 |
| 10 | Sử dụng tiền thu sau phát hành | Đồng | = mục 9 | 84.107.600.000 |
| a | Trừ chi phí | “ | | 1.335.358.280 |
| | - Chi phí CPH | | | 1.093.000.000 |
| | - Chi phí Giải quyết lao động | | | 242.358.280 |
| b | Số tiền chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại Công ty mẹ Tổng công ty Lương thực miền Bắc | “ | = mục 10 - 10a + mục 3 | 82.964.636.897 |

8. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết chứng khoán

Theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi hoàn tất cổ phần hóa, Công ty cổ phần có trách nhiệm: “*tiếp tục hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng khi đủ điều kiện, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM hoặc niêm yết (nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện) theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán*”.

Theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/06/2015: “*Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa và trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán chứng khoán ra công chúng của các doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về chứng khoán, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom*”.

Do đó, sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1 chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng khi đủ điều kiện, đăng ký lưu ký cổ phiếu, đăng ký giao dịch và/hoặc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo các quy định nêu trên.

9. Lưu ý các nhà đầu tư

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1, CTCP Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 khuyến cáo các nhà đầu tư đọc kỹ các thông tin trong tài liệu này và quy chế đấu giá trước khi đăng ký tham dự đấu giá.

Hà nội, ngày 20 tháng 9 năm 2016

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ
VINAFOOD 1
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Sơn

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MTV BỘT MỠ VINAFOOD 1

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Lợi

Lê Đình Hiệp

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thủy